TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H. Phúc**

Bản án số: **101**/2019/HS-ST
Ngày: 03-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Hoàn Xanh

2. Bà Phan Thị D2. Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngọc Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Hùng T., sinh năm 1991, tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn A, xã B, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V. và bà Cao Thị Ch.; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/7/2017, Công an phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản" (Quyết định số 0041636/QĐ-XPHC); Ngày 07/5/2019 bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 68/2019/HSST ngày 07/5/2019); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2019 (có mặt);

2. **Trần Trọng Tr.**, sinh năm 1995, tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn A2, xã B, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: không nơi ở nhất định;

nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng Đ. và bà Nguyễn Thị A.; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2019 (có mặt).

- *Bị hại:*

1. Chị Phan Nguyễn Y., sinh năm 1995; thường trú: Ấp A3, xã B3, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: Số X2, đường Y2, phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Chị Hoàng Hồng U., sinh năm 1995; thường trú: Ấp A4, xã B4, huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Số X3, đường Y3, phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Chị Phan Hồng H., sinh năm 1992; thường trú: Ấp A5, xã B5, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: Số X4, đường Y4, phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Trung T2., sinh năm 1990; thường trú: Ấp A5, xã B5, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: Số X4, đường Y4, phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Vũ Minh H., sinh năm 1988; thường trú: Xã B6, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: Số X5, đường Y5, phường Z5, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Chị Lê Thị Hồng D., sinh năm 1993; thường trú: Thôn A7, xã B2, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Số X6, đường Y6, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Chị Mai Thị D2., sinh năm 1982; thường trú: Đội A8, thôn B8, xã C8, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Số X7, đường Y7, phường Z7, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI D. VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D. vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hùng T. và Trần Trọng Tr. là bạn quen từ trước, cùng thuê khách sạn TLV, số X8, đường Y8, phường Z8, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để ở. Do không có việc làm nhưng cần tiền tiêu xài nên T. rủ Tr. đi trộm cắp tài sản, Tr. đồng ý. Cả hai đã thực hiện tổng cộng 03 vụ trộm cắp như sau:

Vụ 1:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 20/3/2019 Tr. điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 36B6-636.73 chở Trần Trọng Tr. đi qua nhiều tuyến đường tìm tài sản để trộm cắp. Khoảng 03 giờ 30 phút, khi đến ngã ba đường BCP và hẻm NDC, phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. T. dừng xe để Tr. đứng ngoài cảnh giới. T. đi bộ vào dãy trọ NDC thì phát hiện phòng trọ số 2 của chị Phan Nguyễn Y. có 01 lỗ vuông nên T. đưa tay phải vào lấy ổ khóa đang móc ở khoen cửa ra rồi đi vào phòng lấy trộm 01 máy tính xách tay hiệu Dell để trên bàn cạnh cửa phòng và 01 balô màu xanh đen để dưới đất sát cửa phòng bên trong có số tiền 2.800.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Nguyễn Y., 04 cuốn sách dạy tiếng Nhật rồi cùng Tr. chạy thoát về khách sạn TLV. Đến 16 giờ ngày 24/3/2019 T. đem máy tính trộm được đến cửa hàng điện thoại di động EC, số X9, đường Y9, phường Z2, quận Tân Phú của anh Nguyễn Vũ Minh H. bán được 2.800.000 đồng. T. chia cho Tr. số tiền 190.000 đồng. Còn T. giữ 2.160.000 đồng tiêu xài chung. Đối với 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Nguyễn Y. do T. làm thất lạc nên không thu hồi được.

Vụ 2:

Khoảng 01 giờ 15 phút ngày 21/3//2019, T. điều khiển xe máy hiệu Honda Vision biển số 36B6-636.73 chở Tr. đi tìm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 21/3/2019 khi đến trước số X10, đường Y10, phường Z2, quận Tân Phú, T. dừng xe và nói Tr. đứng ngoài cảnh giới còn T. đi bộ vào dãy nhà trọ TH. để tìm tài sản. Khi vào T. thấy phòng số 01 của chị Hoàng Hồng U. có cửa sổ khép hờ, không khóa, trên bàn cạnh cửa sổ có 01 cái bóp nữ hiệu Juno và 01 đồng hồ đeo tay hiệu Fourron màu bạc, nên T. đưa tay qua cửa sổ lấy trộm bóp và đồng hồ rồi cùng Tr. đi về khách sạn TLV. Sau đó T. và Tr. kiểm tra tài sản bên trong bóp da gồm có: 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank và 01 thẻ ngân hàng Agribank đều mang tên Hoàng Hồng U., 01 giấy đăng ký xe máy biển số 65D9-3260 mang tên H. Văn T3. Lúc này T. đưa cho Tr. chiếc đồng hồ đeo tay còn cái bóp da và số giấy tờ trên thì T. giữ. Hiện T. đã làm mất giấy đăng ký xe gắn máy biển số 65D9-3260 nên không thu hồi được.

Vụ 3:

Khoảng 02 giờ ngày 25/3/2019, T. điều khiển xe gắn máy hiệu Vision biển số 36B6-636.73 chở Tr. đi tìm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày khi đến trước nhà số X11, đường Y11, phường Z2, quận Tân Phú. T. dừng xe và Tr. đứng ngoài cảnh giới. T. đi vào dãy trọ số X12, đường Y12 tìm tài sản. Khi đến phòng trọ số 09 của chị Phan Hồng H., T. thấy cửa sổ không đóng. Chị H. và anh T2. đang ngủ dưới sàn nhà, hướng đầu ra cửa sổ. Cạnh đầu nằm có 01 điện thoại Sony Xperia màu trắng có ốp lưng, phía trong có 300.000 đồng, 01 điện thoại hiệu Sony Xperia màu trắng và 01 cái ví nam bên trong có số tiền

550.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phan Hồng H.. T. nhặt 01 sợi kẽm và khóa ngoài cửa phòng lại rồi lấy 01 móc treo áo bằng nhôm để trước phòng bẻ thẳng ra dùng băng keo hai mặt quấn lại (do T. đem theo từ trước) rồi cầm cây dính băng keo hai mặt đưa vào câu lần lượt 02 điện thoại di động và cái ví nam. Khi lấy xong T. vứt bỏ cái móc áo vào thùng rác nhà trọ (hiện không thu hồi được) rồi cùng Tr. đi về khách sạn. Sau đó, T. giữ 850.000 đồng tiêu xài chung. Còn 02 điện thoại di động T. đem về cất giấu tại nhà số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú. Đối với chiếc ví nam và chứng minh nhân dân tên Phan Hồng H. thì T. đưa cho Tr. giữ và đã bị thất lạc, hiện không thu hồi được.

Khoảng 02 giờ 15 phút ngày 26/3/2019 tại trước số X12, đường Y12, phường Z2, quận Tân Phú, tổ tuần tra Công an phường Z2, quận Tân Phú phát hiện T. và Tr. có biểu hiện nghi vấn nên kiểm tra hành chính, đồng thời thu giữ được các giấy tờ cá nhân không rõ nguồn gốc nên đưa T. và Tr. về công an phường làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Hùng T. và Trần Trọng Tr. đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Đối với anh Nguyễn Vũ Minh H. do không biết máy vi tính T. đem bán là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý về tội "Tiêu thụ do tài sản do người khác phạm tội mà có".

Theo kết luận định giá số 171/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 30/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

+ Giá trị của tài sản thời điểm ngày 20/3/2019: 01 máy tính xách tay hiệu Dell, màu đen, số seri 5J8DW1. Tài sản đã qua sử dụng. Tỷ lệ còn lại 60%. Trị giá 3.000.000 đồng; 01 ba lô màu xanh đen, có in logo và chữ ĐH Công nghiệp thực phẩm Tp.HCM. Tài sản đã qua sử dụng. Tỷ lệ còn lại 60%. Trị giá 60.000 đồng.

+ Giá trị của tài sản thời điểm ngày 21/3/2019: 01 bóp da màu đen, hiệu Juno; 01 đồng hồ bằng kim loại, màu bạc, hiệu Fourron: do không rõ chất liệu, mẫu mã của tài sản nên không có đủ cơ sở để xác định trị giá và tỷ lệ còn lại của tài sản vào thời điểm ngày 21/3/2019.

+ Giá trị của tài sản thời điểm ngày 25/3/2019: 01 điện thoại di động màu trắng, hiệu Sony Xperia F3216, số imel: 356060075621668. Tài sản đã qua sử dụng. Tỷ lệ còn lại 60%. Trị giá 1.400.000 đồng; 01 điện thoại di động màu trắng, hiệu Sony Xperia E5663, số imel: 352191070720587. Tài sản đã qua sử dụng. Tỷ lệ còn lại 60%. Trị giá 1.500.000 đồng; Đối với tài sản là 01 ví da nam, màu nâu: Do không rõ chất liệu, mẫu mã của tài sản nên không có đủ cơ sở để xác định trị giá và tỷ lệ còn lại của tài sản vào thời điểm ngày 25/3/2019.

Tổng cộng các tài sản trị giá là: 5.960.000 đồng.

- Về phần trách nhiệm dân sự:

+ Chị Phan Nguyễn Y. đã nhận lại 01 máy vi tính hiệu Dell, 01 ba lô, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Nguyễn Y. và 04 cuốn sách. Chị Y. yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị trộm cắp là 2.800.000 đồng.

+ Chị Hoàng Hồng U. đã nhận lại 01 bóp da nữ hiệu Juno, 01 đồng hồ hiệu Fourron, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Hoàng Hồng U.. Chị U. không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

+ Chị Phan Hồng H. và anh Nguyễn Trung T2. đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia F3216 và 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia E5663. Chị H. và anh T2. không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Vật chứng vụ án:

* Thu giữ của anh Nguyễn Vũ Minh H.: 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell màu đen, số seri 5J8DW1. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Phan Nguyễn Y..

* Thu giữ của Lê Hùng T.:

- 01 ba lô màu xanh đen có in logo và chữ ĐH Công nghiệp thực phẩm Tp. HCM. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Phan Nguyễn Y..

- 01 bóp da màu đen, hiệu Juno; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank; 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Hoàng Hồng U.. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Hoàng Hồng U..

- 01 điện thoại di động màu trắng hiệu Sony Xperia F3216, imel: 356060075621668; 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia E5663, số imel: 352191070720587. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Phan Hồng H. và anh Nguyễn Trung T2..

- Số tiền 2.325.000 đồng.

- 01 thẻ ngân hàng Vietcombank; 01 giấy đăng ký xe gắn máy biển số 36B5-70622 mang tên Lê Thị Hồng D.. Đây là tài sản cá nhân của chị Lê Thị Hồng D. (em của bị cáo T.) không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị D..

- 01 điện thoại di động Huawei, nova 3e, màu xanh đen, số imel: 867907030256943; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus màu bạc, có ốp lưng màu đen, số Imel: 355737076024411. Đây là tài sản của chị Lê Thị Hồng D. không liên quan đến vụ án.

- 01 xe gắn máy hai bánh hiệu Vision màu đỏ, biển số 36B6-63673, qua xác minh được biết do chị Mai Thị D2. (bạn của bị cáo T.) đứng tên chủ sở hữu. Chị

D2. cho bị cáo T. mượn xe và không biết việc T. dùng xe để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe gắn máy trên cho chị Mai Thị D2..

- 01 áo thun màu xanh, chấm đen, chữ đen; 01 quần thun màu xám; 01 áo sơ mi dài tay màu đỏ.

* Thu giữ của Trần Trọng Tr.:

- 01 cuốn sách từ điển Việt – Nhật màu đỏ, 01 cuốn sách Kanji II màu xanh, 01 cuốn sách tài liệu giáo dục thể chất, 01 cuốn sách tiếng Nhật. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Phan Nguyễn Y..

- 01 đồng hồ bằng kim loại trên mặt đồng hồ có chữ Fourron. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Hoàng Hồng U..

- 01 quần Jean màu nâu; 01 áo thun màu đen.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng, số imel: 013186007683271, bị cáo Tr. sử dụng vào việc phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số: 95/CT-VKSQ.TP ngày 19/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Lê Hùng T. và Trần Trọng Tr. về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Hùng T. từ 18 – 24 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Trần Trọng Tr. từ 12 – 18 tháng tù.

Về phần trách nhiệm dân sự buộc các bị cáo T. và Tr. liên đới bồi thường cho bị hại Phan Nguyễn Y. số tiền 2.800.000 đồng.

Phần xử lý vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Hùng T. và Trần Trọng Tr. thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố và đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại Phan Nguyễn Y..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D. vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực

hiện đúng. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở để xác định: Lê Hùng T. và Trần Trọng Tr. đã cùng nhau thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản từ ngày 20/3/2019 đến 25/3/2019 với tổng trị giá tài sản là 9.610.000 đồng. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú đã truy tố các bị cáo T. và Tr. về tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Các bị cáo T. và Tr. đã trộm cắp tài sản với tổng số tiền trị giá là 9.610.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo T. và Tr. phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ, đồng thời ảnh hưởng đến trật tự, trị an, an toàn xã hội. Bản thân các bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng mà không muốn bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã cố ý phạm tội, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm các bị cáo để giáo dục các bị cáo nói riêng và để đảm bảo việc đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung cho toàn xã hội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo có T2. chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo T. là người rủ bị cáo Tr., chuẩn bị phương tiện và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Còn bị cáo Tr. là người cảnh giới là đồng phạm giúp sức tích cực.

Đối với bị cáo T., vào ngày 07/5/2019 đã bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (tại bản án sơ thẩm số 68/2019/HSST). Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 06 tháng tù của bản án sơ thẩm số 68/2019/HSST ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Lê Hùng T. chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Các bị cáo T. và Tr. đã thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản là thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự trong việc lượng hình đối với các bị cáo.

Các bị cáo T. và Tr. tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Do đó, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lê Hùng T. và Trần Trọng Tr..

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Phan Nguyễn Y. đã nhận lại 01 máy vi tính hiệu Dell, 01 ba lô, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Nguyễn Y. và 04 cuốn sách. Chị Y. yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị trộm cắp là 2.800.000 đồng. Các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị Y.. Do đó, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Lê Hùng T. và Trần Trọng Tr. có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Phan Nguyễn Y. số tiền 2.800.000 đồng. Cụ thể mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị Y. số tiền 1.400.000 đồng.

- Chị Hoàng Hồng U. đã nhận lại 01 bóp da nữ hiệu Juno, 01 đồng hồ hiệu Fourron, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Hoàng Hồng U.. Chị U. không có yêu cầu bồi thường gì thêm, do đó Hội đồng xét xử không xét.

- Chị Phan Hồng H. và anh Nguyễn Trung T2. đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia F3216 và 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia E5663. Chị H. và anh T2. không yêu cầu bồi thường gì thêm, do đó Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

* Thu giữ của anh Nguyễn Vũ Minh H.: 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell màu đen, số seri 5J8DW1. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Phan Nguyễn Y.. Anh H. không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xét.

* Thu giữ của Lê Hùng T.:

- 01 ba lô màu xanh đen có in logo và chữ ĐH Công nghiệp thực phẩm Tp. HCM. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Phan Nguyễn Y.. Chị Y. không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 bóp da màu đen, hiệu Juno; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank; 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Hoàng Hồng U.. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Hoàng Hồng U.. Chị U. không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 điện thoại di động màu trắng hiệu Sony Xperia F3216, imel: 356060075621668; 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia E5663, số imel: 352191070720587. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Phan Hồng H. và anh Nguyễn Trung T2.. Chị H. và anh T2. không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- Số tiền 2.325.000 đồng. Đây là số tiền thu lợi bất chính do các bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có. Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 thẻ ngân hàng Vietcombank; 01 giấy đăng ký xe gắn máy biển số 36B5-70622 mang tên Lê Thị Hồng D.. Đây là tài sản cá nhân của chị Lê Thị Hồng D. (em của bị cáo T.) không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị D.. Chị D. không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 điện thoại di động Huawei, nova 3e, màu xanh đen, số imel: 867907030256943; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus màu bạc, có ốp lưng màu đen, số Imel: 355737076024411. Đây là tài sản của chị Lê Thị Hồng D. không liên quan đến vụ án. Chị D. yêu cầu được nhận lại tài sản do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại 02 điện thoại di động trên cho chị D..

- 01 xe gắn máy hai bánh hiệu Vision màu đỏ, biển số 36B6-63673, qua xác minh được biết do chị Mai Thị D2. (bạn của bị cáo T.) đứng tên chủ sở hữu. Chị D2. cho bị cáo T. mượn xe và không biết việc T. dùng xe để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe gắn máy trên cho chị Mai Thị D2.. Chị D2. không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 áo thun màu xanh, chấm đen, chữ đen; 01 quần thun màu xám; 01 áo sơ mi dài tay màu đỏ. Đây là tài sản của bị cáo T. không còn giá trị sử dụng, bị cáo T. không có yêu cầu nhận lại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

* Thu giữ của Trần Trọng Tr.:

- 01 cuốn sách từ điển Việt – Nhật màu đỏ, 01 cuốn sách Kanji II màu xanh, 01 cuốn sách tài liệu giáo dục thể chất, 01 cuốn sách tiếng Nhật. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Phan Nguyễn Y.. Chị Y. không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 đồng hồ bằng kim loại trên mặt đồng hồ có chữ Fourron. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Hoàng Hồng U.. Chị U. không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 quần Jean màu nâu; 01 áo thun màu đen. Đây là tài sản của bị cáo Tr. không còn giá trị sử dụng, bị cáo Tr. không có yêu cầu nhận lại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng, số imel: 013186007683271, bị cáo Tr. sử dụng vào việc phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Lê Hùng T. và Trần Trọng Tr. phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Hùng T. 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự:

Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù của Bản án sơ thẩm số 68/2019/HSST ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Lê Hùng T. chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2019, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2018 đến ngày 23/4/2018.

[3] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Trọng Tr. 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2019.

[4] Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lê Hùng T. và Trần Trọng Tr..

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Buộc các bị cáo Lê Hùng T. và Trần Trọng Tr. có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Phan Nguyễn Y. số tiền 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn) đồng. Cụ thể mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị Phan Nguyễn Y. số tiền 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với: Số tiền 2.325.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng, số imel: 013186007683271.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun màu xanh, chấm đen, chữ đen; 01 quần thun màu xám; 01 áo sơ mi dài tay màu đỏ; 01 quần Jean màu nâu; 01 áo thun màu đen.

- Trả lại cho chị Lê Thị Hồng D.: 01 điện thoại di động Huawei, nova 3e, màu xanh đen, số imel: 867907030256943; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus màu bạc, có ốp lưng màu đen, số Imel: 355737076024411.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 166/PNK ngày 28/5/2019 của Công an quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[8] Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND quận Tân Phú (3);
- THADS quận Tân Phú (1);
- THAHS quận Tân Phú (4);
- Phòng PC53 CA Tp. HCM (1);
- Nhà tạm giữ (4);
- Bị cáo (2);
- Bị hại (4);
- Người có QLNVLQ (3);
- Sở Tư Pháp (1);
- Lưu: VT (1); hồ sơ vụ án (1). (26)

Tô Thị Ngọc Phượng